

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Số: 1852/TB- BVĐHYHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá hàng hoá, dịch vụ phục vụ công tác
khám chữa bệnh của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đại học Y Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm các mặt hàng chi tiết như Phụ lục 3 kèm theo.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Bùi Bích Phương, Chuyên viên Phòng Vật tư thiết bị- Quản trị, Phòng 511, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. SĐT: 0977.039.598. Email: phuong.adele@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị - Quản trị, Phòng 511, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 12 tháng 6 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: Chi tiết trong Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các trang thiết bị y tế tại Phụ lục 03 kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản công cụ dụng cụ:

- Giao hàng hóa tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, mọi chi phí vận chuyển do nhà cung cấp chịu.

- Hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải thực hiện theo quy định của nhà sản xuất.

- Địa điểm nhận hàng: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tổng thời gian giao hàng trong vòng ≤ 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Giá trị tạm ứng: Thanh toán theo giá trị từng đơn hàng.

- Giá trị thanh toán: 100% giá trị hợp đồng (khấu trừ toàn bộ giá trị đã tạm ứng)
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản trong vòng 90 ngày tính từ ngày nhà thầu cung cấp đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

5. Các thông tin khác (nếu có):

*Lưu ý:

- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong Phụ lục là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm.
- Công ty có thể chào loại hàng hóa **tương đương hoặc tốt hơn**. Tương đương được hiểu là giống nhau về tính năng, công dụng, chức năng.
- Kính đề nghị các công ty, các nhà cung cấp nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm theo hướng dẫn dẫn nêu tại các Phụ lục đính kèm thông báo này.
- Lưu ý: Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa do công ty chào giá so với yêu cầu của Bệnh viện, đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại các phụ lục đính kèm thông báo. Các báo giá không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại phụ lục của thông báo thì Bệnh viện sẽ không có đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét.
- Công ty chào giá $\geq 90\%$ mục hàng hóa trong từng bộ dụng cụ trong Phụ lục mời chào giá theo khả năng cung cấp của công ty.
- Đề nghị các công ty thực hiện lấy (các) file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống hỗ trợ tại địa chỉ:

<https://sites.google.com/view/hmuh-vttbqt/qu%E1%BA%A3n-l%C3%BD-ch%C3%A0o-gi%C3%A1-v8>

hoặc quét mã QR phía dưới để truy cập.

Tài khoản truy cập guest@123 mật khẩu 121212.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTB-QT.



Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 01

Các yêu cầu chung về lập báo giá

(Kèm theo Thông báo số 1352 /TB-BVĐHYHN ngày 11 tháng 6 năm 2025)

STT	Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của Báo giá
	Công ty <u>phải</u> lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hóa do Công ty chào so với yêu cầu của Bệnh viện như <u>Mẫu 1</u> tại Phụ lục 02	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
		Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không có đầy đủ thông tin	Không đáp ứng
- Bệnh viện đánh giá giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa công ty chào dựa trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật - <u>do công ty tự kê khai</u> – tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Bệnh viện sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh. - Yêu cầu kỹ thuật nêu trong Phụ lục 03 là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn. - Trường hợp hàng hóa công ty chào <u>không đáp ứng đầy đủ các thông số yêu cầu, Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá</u> và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các yếu tố tiêu chí kỹ thuật, giá chào của công ty. Nếu (các) yếu tố không đáp ứng không ảnh hưởng quá nhiều đến tính năng, công dụng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí kỹ thuật yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân. - Công ty cung cấp kèm theo Báo giá (các) kết quả trúng thầu <u>gần nhất</u> trong vòng 360 ngày (nếu có) của (các) trang trang thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện. - Trường hợp công ty có nhiều thiết bị, nhiều model cùng đáp ứng với nhiều mức giá khác nhau thì công ty làm cho mỗi thiết bị, mỗi model một bảng đáp ứng kỹ thuật, báo giá mỗi model riêng biệt.			

PHỤ LỤC 02

Mẫu 1: Bảng đáp ứng kỹ thuật

(Kèm theo Thông báo số 1857 /TB-BVĐHYHN ngày 11 tháng 6 năm 2025)

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 03)			Thông số kỹ thuật chào giá*			
STT TB mời chào giá	Tên hàng hóa mời chào giá	Tính năng kỹ thuật	Tên hàng hóa chào giá	Thông số kỹ thuật chào giá	Các điểm không đạt kèm thuyết minh	Tài liệu tham chiếu (nếu có)
...	...	...		Nêu các thông số kỹ thuật của hàng hóa tương ứng với các tính năng kỹ thuật yêu cầu	- Nêu rõ các thông số không đáp ứng của hàng hóa (nếu có) kèm theo thuyết minh/ lý giải - Trường hợp có công nghệ/ giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể	Công ty chỉ rõ tiêu chí kỹ thuật được tham chiếu từ mục nào, trang nào, thuộc tài liệu công ty cung cấp kèm theo báo giá để Bệnh viện dễ dàng tiếp cận được thông tin cần thiết
...	...	...				
...	...	...				

**Mẫu 2: Bảng chào giá
BẢO GIÁ^(v)**

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT TB mời chào giá	Tên hàng hóa mời chào giá	Tên hàng hóa chào giá ⁽³⁾	Ký, mã, hiệu hàng hóa ⁽⁴⁾	Thông số kỹ thuật chào giá ⁽⁵⁾	Mã HS ⁽⁶⁾	Hãng sản xuất/Nước sản xuất ⁽⁷⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁸⁾	Quy cách ⁽⁹⁾	Đơn vị tính ⁽¹⁰⁾	Thuế, VAT (nếu có) ⁽¹²⁾ (%)	Đơn giá (đã bao gồm thuế phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) ⁽¹³⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁴⁾ (VND)	Tiêu chuan ⁽¹⁵⁾	Đơn giá trung thầu gắn nhất ⁽¹⁶⁾ (VND)	Tài liệu tham chiếu đơn giá trung thầu gắn nhất ⁽¹⁷⁾
1	CCDC A														
2	CCDC B														
n	...														

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các trang thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày....

tháng.....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁸⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đầu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 21.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại trang thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Tên dụng cụ” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên thương mại của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hóa chào giá”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể ký hiệu, mã hiệu, model của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế”.

(5) Thông số kỹ thuật từng hàng hóa chào giá

(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng trang thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hãng sản xuất của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục trang thiết bị y tế”.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể quy cách của trang thiết bị y tế
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính của trang thiết bị y tế
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế, chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tỷ lệ thuế giá trị gia tăng (%) (nếu có) cho từng trang thiết bị y tế
- (13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị đơn giá của từng trang thiết bị y tế (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng trang thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng trang thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (15) Công ty liệt kê (các) tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (ưu tiên liệt kê tiêu chuẩn cao trước, thấp hơn sau) ví dụ như: FDA/PMDA/CE/ARTG/ISO13485/ hoặc tương đương, ...; trường hợp có các tiêu chuẩn đặc thù thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh; Việc này rất quan trọng trong đánh giá chất lượng hàng hóa chào giá và xác định giá dự toán.
- (16) Công ty điền đơn giá trúng thầu gần nhất trong vòng 360 ngày (nếu có) của (các) trang trang thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.
- (17) Công ty điền loại văn bản; số văn bản; ngày văn bản và tên cơ sở y tế ban hành văn bản
- VD: Hợp đồng số 12/HĐ-XX ngày 01/03/2023 ký với Bệnh viện...../ Quyết định phê duyệt kết quả thầu số 11/QĐ-BV ngày 15/03/2023 của Bệnh viện.....

(18) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu

quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 03

**Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của
công cụ dụng cụ**

(Kèm theo Thông báo số 1852 /TB-BVĐHYHN ngày 11 tháng 6 năm 2025)

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
1	Bộ cột sống mới	Banh tự giữ	Banh Jackson-Burrow, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, 1 x 1 răng tù	2	Cái
2	Bộ cột sống mới	Banh tự giữ	Banh Norfolk-Norwich, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, 4 x 5 răng tù	2	Cái
3	Bộ cột sống mới	Banh tự giữ	Banh tự giữ Adson, có khớp, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm, 4 x 4 răng, hơi nhọn	2	Cái
4	Bộ cột sống mới	Banh tổ chức	Banh tổ chức Kocher, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, kích thước lưỡi 60 x 20mm	2	Cái
5	Bộ cột sống mới	Banh tổ chức	Banh tổ chức Kocher, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, kích thước lưỡi 60 x 25mm	2	Cái
6	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, ngàm cong lên, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 200 mm, ngàm rộng 2mm	1	Cái
7	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison dạng lưỡi lê, ngàm cong lên, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 200 mm, ngàm rộng 3mm	1	Cái
8	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, ngàm cong lên, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm rộng 4mm	1	Cái
9	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưỡi lê, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, ngàm rộng 3mm, gấp góc lên 130° hoặc 40° góc ngoài	2	Cái
10	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưỡi lê, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, ngàm rộng 4mm, gấp góc lên 130° hoặc 40° góc ngoài	2	Cái
11	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưỡi lê, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, ngàm rộng 5mm, gấp góc lên 130° hoặc 40° góc ngoài	2	Cái
12	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 3 mm	2	Cái
13	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 4 mm	2	Cái
14	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 5 mm	2	Cái
15	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, ngàm rộng 2mm, đầu ngàm mảnh, gấp góc lên 130° hoặc 40° góc ngoài	2	Cái
16	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 2 mm	2	Cái
17	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 1 mm	2	Cái
18	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 1 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	2	Cái
19	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 2 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	2	Cái
20	Bộ cột sống mới	Kìm găm xương	Kìm cắt xương Liston hoặc tương đương, dài trong khoảng từ ≥ 250 mm đến ≤ 255 mm, hoạt động đôi	2	Cái
21	Bộ cột sống mới	Kìm găm xương	Gu găm xương Leksell, gấp góc bên, hoạt động đôi, kích thước ngàm khoảng 3.3 x 18mm, dài trong khoảng từ ≥ 220 đến ≤ 250 mm	2	Cái
22	Bộ cột sống mới	Kìm găm xương	Gu găm xương Leksell, gấp góc bên, hoạt động đôi, kích thước ngàm khoảng 4.5 x 16mm, dài trong khoảng từ ≥ 220 đến ≤ 250 mm	2	Cái
23	Bộ cột sống mới	Kìm găm xương	Gu găm xương Echlin, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng 3mm, gấp góc bên, hoạt động đôi, ngàm dài khoảng 11mm, rộng 3.2mm	2	Cái
24	Bộ cột sống mới	Kìm găm xương	Gu găm xương BEYER, cong, hoạt động đôi, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm	2	Cái
25	Bộ cột sống mới	Kìm găm xương	Gu găm xương Boehler, cong, hoạt động đôi, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm	2	Cái
26	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến ≤ 185 mm, ngàm rộng 3mm, quay xuống, có khóa	2	Cái
27	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến ≤ 185 mm, ngàm rộng 3mm, quay lên, có khóa	2	Cái
28	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm, ngàm rộng 3mm, thẳng, có khóa	2	Cái
29	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm, ngàm rộng 6mm, thẳng, có khóa	2	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
30	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm thẳng, rộng 1,5mm, có răng nửa ngàm	2	Cái
31	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm thẳng, rộng 2mm, có răng nửa ngàm	2	Cái
32	Bộ cột sống mới	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm thẳng, rộng 3mm, có răng nửa ngàm	2	Cái
33	Bộ cột sống mới	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay lên size 0, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
34	Bộ cột sống mới	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay xuống size 0, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
35	Bộ cột sống mới	Curet	Curet mỏ cổ cong lên size 0, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
36	Bộ cột sống mới	Curet	Curet mỏ cổ cong xuống size 0, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
37	Bộ cột sống mới	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay lên size 000, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
38	Bộ cột sống mới	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay xuống size 000, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
39	Bộ cột sống mới	Ống hút	Ống hút Fergusson, trục Luer, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, đường kính 12Fr/4mm, dùng cho ống hút đường kính 6-9mm	2	Cái
40	Bộ cột sống mới	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 10FR/3,30mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130-140mm.	2	Cái
41	Bộ cột sống mới	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 12FR/4mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130- 140mm.	2	Cái
42	Bộ cột sống mới	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 8FR/2.7mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130-140mm.	2	Cái
43	Bộ cột sống mới	Cán dao	Cán dao mỏ, số 3, dài khoảng 125mm	2	Cái
44	Bộ cột sống mới	Cán dao	Cán dao mỏ hình lưỡi lê, thân tròn, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm	2	Cái
45	Bộ cột sống mới	Cán dao	Cán dao mỏ, số 4, dài khoảng 135 mm	2	Cái
46	Bộ cột sống mới	Kéo phẫu thuật	Kéo phẫu thuật Mayo-Noble, thẳng, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ ≥ 160 mm đến ≤ 170 mm	2	Cái
47	Bộ cột sống mới	Kéo phẫu thuật	Kéo Metzenbaum cán vàng, cong, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 230 mm	2	Cái
48	Bộ cột sống mới	Kéo phẫu thuật	Kéo Metzenbaum, thẳng, mũi tù/tù, cán vàng, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm	2	Cái
49	Bộ cột sống mới	Kim mang kim	Kim mang kim Hegar-Mayo, thẳng, cán vàng, bước răng 0.5mm, dài trong khoảng từ ≥ 230 mm đến ≤ 240 mm	2	Cái
50	Bộ cột sống mới	Kim mang kim	Kim mang kim Crile-Wood, thẳng, cán vàng, bước răng 0.4 mm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm	4	Cái
51	Bộ cột sống mới	Kim mang kim	Kim mang kim Hegar-Mayo, thẳng, cán vàng, bước răng 0.5mm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm	2	Cái
52	Bộ cột sống mới	Kim mang kim	Kim mang kim Mayo-Hegar, thẳng, dài khoảng từ 150 mm đến 170mm, ngàm răng cưa có rãnh dọc	4	Cái
53	Bộ cột sống mới	Kim mang kim	Kim mang kim Mayo-Hegar, thẳng, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, ngàm răng cưa có rãnh dọc	4	Cái
54	Bộ cột sống mới	Kẹp mạch máu	Kẹp mạch máu Heiss, cong, dài khoảng 200mm	8	Cái
55	Bộ cột sống mới	Kẹp mạch máu	Kẹp mạch máu Spencer-Wells (Jones), cong, dài trong khoảng từ ≥ 120 mm đến ≤ 130 mm	8	Cái
56	Bộ cột sống mới	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, ngàm có răng 1x2.	4	Cái
57	Bộ cột sống mới	Kẹp sáng	Kẹp sáng Backhaus, dài trong khoảng từ ≥ 110 mm đến ≤ 130 mm	12	Cái
58	Bộ cột sống mới	Nhíp phẫu tích	Nhíp phẫu tích, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, loại mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2)	4	Cái
59	Bộ cột sống mới	Nhíp phẫu tích	Nhíp phẫu tích, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, thẳng, ngàm có khía	4	Cái
60	Bộ cột sống mới	Nhíp phẫu tích	Nhíp phẫu tích thông thường, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, thẳng.	4	Cái
61	Bộ cột sống mới	Nhíp phẫu tích	Nhíp không chấn thương răng De Bakey, dài trong khoảng từ ≥ 230 mm đến ≤ 240 mm, ngàm rộng 1.50mm	4	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
62	Bộ cột sống mới	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương Langenbeck, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, cong, đầu rộng 17 mm hoặc tương đương	2	Cái
63	Bộ cột sống mới	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương Sedillot, cong, đầu nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đầu rộng 18mm	2	Cái
64	Bộ cột sống mới	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương thẳng, lưỡi tròn, sắc, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, đầu rộng 14mm	2	Cái
65	Bộ cột sống mới	Dụng cụ nạo róc xương	Dụng cụ nạo róc xương Cobb, dài trong khoảng từ ≥ 270 mm đến ≤ 280 mm, cong, đầu nhọn, đầu rộng khoảng 20 mm	2	Cái
66	Bộ cột sống mới	Dụng cụ nạo róc xương	Dụng cụ nạo róc xương Cobb, dài trong khoảng từ ≥ 270 mm đến ≤ 280 mm, cong, đầu nhọn, đầu rộng khoảng 25 mm	2	Cái
67	Bộ cột sống mới	Đục xương	Đục lòng máng Zielke lưỡi cong, kích thước lưỡi, 9,0 mm, dài trong khoảng từ ≥ 230 mm đến ≤ 240 mm	2	Cái
68	Bộ cột sống mới	Đục xương	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 10 mm	2	Cái
69	Bộ cột sống mới	Đục xương	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 6mm	2	Cái
70	Bộ cột sống mới	Đục xương	Đục xương Hibbs, thẳng, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 , lưỡi rộng 6mm.	2	Cái
71	Bộ cột sống mới	Đục xương	Đục xương Hibbs, thẳng, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 , lưỡi rộng 10mm.	2	Cái
72	Bộ cột sống mới	Đục xương	Đục xương Hibbs, cong, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 , lưỡi rộng 6mm.	2	Cái
73	Bộ cột sống mới	Đục xương	Đục xương Hibbs, cong, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 , lưỡi rộng 10mm.	2	Cái
74	Bộ cột sống mới	Búa	Búa, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đường kính đầu khoảng 25mm	2	Cái
75	Bộ cột sống mới	Búa	Búa, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đường kính đầu khoảng 30mm	2	Cái
76	Bộ cột sống mới	Móc thần kinh	Móc thần kinh Kranyenbuehl, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, mũi dài 3,7mm	2	Cái
77	Bộ cột sống mới	Móc thần kinh	Móc thần kinh Kranyenbuehl, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, mũi dài 2,7mm	2	Cái
78	Bộ cột sống mới	Móc thần kinh	Móc thần kinh Caspar, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, sâu 5mm	2	Cái
79	Bộ cột sống mới	Móc thần kinh	Móc thần kinh Caspar, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, sâu 7mm	2	Cái
80	Bộ cột sống mới	Móc thần kinh	Móc thần kinh Crile, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, sâu 8mm	2	Cái
81	Bộ cột sống mới	Phẫu tích thần kinh	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu Caspar, cong xuống dưới, đầu tù, cán hình lưỡi lê, cán tròn, dài dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, đầu rộng 4,50mm	2	Cái
82	Bộ cột sống mới	Phẫu tích thần kinh	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu, cong nhẹ, cán tròn, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, đầu rộng khoảng từ ≥ 1 mm đến ≤ 2 mm	2	Cái
83	Bộ cột sống mới	Vén rẽ thần kinh	Vén rẽ thần kinh Cushing, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, sâu 5mm	2	Cái
84	Bộ cột sống mới	Vén rẽ thần kinh	Vén rẽ thần kinh Cushing, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, sâu 8mm	2	Cái
85	Bộ cột sống mới	Vén rẽ thần kinh	Vén rẽ thần kinh Love hoặc tương đương, hình lưỡi lê, đầu tù, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm, ngàm rộng 3,5 mm	2	Cái
86	Bộ cột sống mới	Dụng cụ nạo róc	Dụng cụ nạo róc Freer-Yasargil, cong, hai đầu, nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm	2	Cái
87	Bộ cột sống mới	Dụng cụ bẫy xương	Dụng cụ bẫy xương Freer, cong, đầu tù, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đầu rộng 4mm	2	Cái
88	Bộ cột sống mới	Dụng cụ nạo róc	Dụng cụ phẫu tích thần kinh Penfield, số 1, cong nhẹ, hai đầu, nhọn/tù, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm	2	Cái
89	Bộ cột sống mới	Dụng cụ nạo róc	Dụng cụ phẫu tích thần kinh Penfield, số 2, cong nhẹ, hai đầu, nhọn/tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm	2	Cái
90	Bộ cột sống mới	Dụng cụ đo kích thước miếng ghép đĩa đệm cổ	Thước đo Caspar dùng cho phẫu thuật thần kinh, phạm vi đo đến 150 mm	1	Cái
91	Bộ cột sống mới	Nắp hộp	Nắp hộp dòng công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, 5000 lần tiết khuẩn . Cỡ 1/1, màu đỏ. Nắp và lẫy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ	1	Cái
92	Bộ cột sống mới	Đáy hộp	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài 592 x 274 x 187mm	1	Cái
93	Bộ cột sống mới	Khay lưới	Khay lưới kích thước khoảng (540 x 250 x 60 mm) $\pm 10\%$	2	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
94	Bộ cột sống mới	Lưới silicone	Lưới silicone màu xanh, có lỗ, làm khô ráo và chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1. kích thước $\leq 250 \times 250\text{mm}$	4	Cái
95	Cột sống 1 Bỏ sung	Banh tự động	Banh Jackson-Burrow, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{ mm}$ đến $\leq 190\text{ mm}$, 1 x 1 răng tù	2	Cái
96	Cột sống 1 Bỏ sung	Banh tự động	Banh Norfolk-Norwich, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, 4 x 5 răng tù	2	Cái
97	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison dạng lưới lê, ngàm cong lên, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 200\text{ mm}$, ngàm rộng 3mm	1	Cái
98	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưới lê, dài trong khoảng từ $\geq 240\text{ mm}$ đến $\leq 250\text{ mm}$, ngàm rộng 3mm, gấp góc lên 130°	1	Cái
99	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưới lê, dài trong khoảng từ $\geq 240\text{ mm}$ đến $\leq 250\text{ mm}$, ngàm rộng 4mm, gấp góc lên 130°	1	Cái
100	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưới lê, dài trong khoảng từ $\geq 240\text{ mm}$ đến $\leq 250\text{ mm}$, ngàm rộng 5mm, gấp góc lên 130°	1	Cái
101	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° , dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 3 mm	2	Cái
102	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° , dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 4 mm	2	Cái
103	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° , dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 5 mm	2	Cái
104	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, dài trong khoảng từ $\geq 240\text{ mm}$ đến $\leq 250\text{ mm}$, ngàm rộng 2mm, đầu ngàm mảnh, gấp góc lên 130°	1	Cái
105	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° , dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 2 mm	1	Cái
106	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° , dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 1 mm	1	Cái
107	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° , dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 1 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	1	Cái
108	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130° , dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 2 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	1	Cái
109	Cột sống 1 Bỏ sung	Kim găm xương	Gu găm xương Leksell, gấp góc bên, hoạt động đôi, kích thước ngàm khoảng $3.3 \times 18\text{mm}$, dài trong khoảng từ ≥ 220 đến $\leq 250\text{mm}$	2	Cái
110	Cột sống 1 Bỏ sung	Kim găm xương	Gu găm xương Leksell, gấp góc bên, hoạt động đôi, kích thước ngàm khoảng $4.5 \times 16\text{mm}$, dài trong khoảng từ ≥ 220 đến $\leq 250\text{mm}$	2	Cái
111	Cột sống 1 Bỏ sung	Kim găm xương	Gu găm xương BEYER, cong, hoạt động đôi, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 180\text{ mm}$	1	Cái
112	Cột sống 1 Bỏ sung	Kim găm xương	Gu găm xương Boehler, cong, hoạt động đôi, dài trong khoảng từ $\geq 150\text{ mm}$ đến $\leq 160\text{ mm}$	1	Cái
113	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến $\leq 185\text{ mm}$, ngàm rộng 3mm, quay xuống, có khóa	2	Cái
114	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến $\leq 185\text{ mm}$, ngàm rộng 3mm, quay lên, có khóa	2	Cái
115	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 185\text{ mm}$, ngàm rộng 3mm, thẳng, có khóa	2	Cái
116	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 185\text{ mm}$, ngàm rộng 6mm, thẳng, có khóa	2	Cái
117	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{ mm}$ đến $\leq 200\text{ mm}$, ngàm thẳng, rộng 1,5mm, có răng nửa ngàm	1	Cái
118	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{ mm}$ đến $\leq 200\text{ mm}$, ngàm thẳng, rộng 2mm, có răng nửa ngàm	1	Cái
119	Cột sống 1 Bỏ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{ mm}$ đến $\leq 200\text{ mm}$, ngàm thẳng, rộng 3mm, có răng nửa ngàm	1	Cái
120	Cột sống 1 Bỏ sung	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay lên size 0, dáng lưới lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 210\text{ mm}$ đến $\leq 220\text{mm}$	1	Cái
121	Cột sống 1 Bỏ sung	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay xuống size 0, dáng lưới lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 210\text{ mm}$ đến $\leq 220\text{mm}$	1	Cái
122	Cột sống 1 Bỏ sung	Curet	Curet mỏ cổ cong lên size 0, dáng lưới lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 210\text{ mm}$ đến $\leq 220\text{mm}$	1	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
123	Cột sống 1 Bổ sung	Curet	Curet mỏ cò cong xuống size 0, đáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
124	Cột sống 1 Bổ sung	Curet	Curet mỏ cò thẳng quay lên size 000, đáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
125	Cột sống 1 Bổ sung	Curet	Curet mỏ cò thẳng quay xuống size 000, đáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
126	Cột sống 1 Bổ sung	Ống hút	Ống hút Fergusson, trục Luer, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, đường kính 12Fr/4mm, dùng cho ống hút đường kính 6-9mm	2	Cái
127	Cột sống 1 Bổ sung	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 10FR/3,30mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130-140mm.	2	Cái
128	Cột sống 1 Bổ sung	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 12FR/4mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130- 140mm.	2	Cái
129	Cột sống 1 Bổ sung	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 8FR/2.7mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130-140mm.	2	Cái
130	Cột sống 1 Bổ sung	Cán dao	Cán dao mỏ hình lưỡi lê, thân tròn, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm	2	Cái
131	Cột sống 1 Bổ sung	Cán dao	Cán dao mỏ, số 4, dài khoảng 135 mm	1	Cái
132	Cột sống 1 Bổ sung	Kéo phẫu thuật	Kéo phẫu thuật Mayo-Noble, thẳng, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ ≥ 160 mm đến ≤ 170 mm	2	Cái
133	Cột sống 1 Bổ sung	Kéo phẫu thuật	Kéo Metzenbaum cán vàng, cong, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 230 mm	4	Cái
134	Cột sống 1 Bổ sung	Kéo phẫu thuật	Kéo Metzenbaum, thẳng, mũi tù/tù, cán vàng, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm	2	Cái
135	Cột sống 1 Bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Hegar-Mayo, thẳng, cán vàng, bước răng 0.5mm, dài trong khoảng từ ≥ 230 mm đến ≤ 240 mm	2	Cái
136	Cột sống 1 Bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Crile-Wood, thẳng, cán vàng, bước răng 0.4 mm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm	4	Cái
137	Cột sống 1 Bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Hegar-Mayo, thẳng, cán vàng, bước răng 0.5mm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm	2	Cái
138	Cột sống 1 Bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Mayo-Hegar, thẳng, dài khoảng từ 150 mm đến 170mm, ngàm răng cửa có rãnh dọc	4	Cái
139	Cột sống 1 Bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Mayo-Hegar, thẳng, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, ngàm răng cửa có rãnh dọc	4	Cái
140	Cột sống 1 Bổ sung	Nhíp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, loại mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2)	4	Cái
141	Cột sống 1 Bổ sung	Nhíp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, thẳng, ngàm có khía	4	Cái
142	Cột sống 1 Bổ sung	Nhíp phẫu tích	Kẹp phẫu tích thông thường, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, thẳng.	4	Cái
143	Cột sống 1 Bổ sung	Nhíp phẫu tích	Nhíp không chấn thương răng De Bakey, dài trong khoảng từ ≥ 230 mm đến ≤ 240 mm, ngàm rộng 1.50mm	4	Cái
144	Cột sống 1 Bổ sung	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương Langenbeck, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, cong, đầu rộng 17 mm hoặc tương đương	2	Cái
145	Cột sống 1 Bổ sung	Dụng cụ nạo róc xương	Dụng cụ nạo róc xương Cobb, dài trong khoảng từ ≥ 270 mm đến ≤ 280 mm, cong, đầu nhọn, đầu rộng khoảng 20 mm	2	Cái
146	Cột sống 1 Bổ sung	Đục xương	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 10 mm	2	Cái
147	Cột sống 1 Bổ sung	Đục xương	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 6mm	2	Cái
148	Cột sống 1 Bổ sung	Đục xương	Đục xương Hibbs, thẳng, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 , lưỡi rộng 6mm.	2	Cái
149	Cột sống 1 Bổ sung	Đục xương	Đục xương Hibbs, thẳng, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 , lưỡi rộng 10mm.	2	Cái
150	Cột sống 1 Bổ sung	Búa	Búa, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đường kính đầu khoảng 25mm	1	Cái
151	Cột sống 1 Bổ sung	Búa	Búa, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đường kính đầu khoảng 30mm	1	Cái
152	Cột sống 1 Bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Krakenbuehl, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, mũi dài 3,7mm	2	Cái
153	Cột sống 1 Bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Krakenbuehl, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, mũi dài 2,7mm	2	Cái
154	Cột sống 1 Bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Caspar, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, sâu 5mm	1	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
155	Cột sống 1 Bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Caspar, gấp góc 90°, đầu thắm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250mm, sâu 7mm	1	Cái
156	Cột sống 1 Bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Crile, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200mm, sâu 8mm	1	Cái
157	Cột sống 1 Bổ sung	Phẫu tích thần kinh	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu Caspar, cong xuống dưới, đầu tù, cán hình lưỡi lê, cán tròn, dài dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, đầu rộng 4,50mm	1	Cái
158	Cột sống 1 Bổ sung	Phẫu tích thần kinh	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu, cong nhẹ, cán tròn, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, đầu rộng khoảng từ ≥ 1mm đến ≤ 2mm	2	Cái
159	Cột sống 1 Bổ sung	Vén rãnh thần kinh	Vén rãnh thần kinh Cushing, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200mm, sâu 5mm	2	Cái
160	Cột sống 1 Bổ sung	Vén rãnh thần kinh	Vén rãnh thần kinh Cushing, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200mm, sâu 8mm	2	Cái
161	Cột sống 1 Bổ sung	Vén rãnh thần kinh	Vén rãnh thần kinh Love, hình lưỡi lê, đầu tù, dài trong khoảng từ ≥ 200mm đến ≤ 210mm, ngàm rộng 3,5 mm	2	Cái
162	Cột sống 1 Bổ sung	Dụng cụ nạo róc	Dụng cụ nạo róc Freer-Yasargil, cong, hai đầu, nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 180mm đến ≤ 190mm	2	Cái
163	Cột sống 1 Bổ sung	Dụng cụ bẫy xương	Dụng cụ bẫy xương Freer, cong, đầu tù, dài trong khoảng từ ≥ 180mm đến ≤ 190mm, đầu rộng 4mm	2	Cái
164	Cột sống 1 Bổ sung	Nắp hộp	Nắp hộp đồng công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, 5000 lần tiết khuẩn . Cỡ 1/1, màu đỏ. Nắp và lẫy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ	1	Cái
165	Cột sống 1 Bổ sung	Đáy hộp	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài 592 x 274 x 187mm	1	Cái
166	Cột sống 1 Bổ sung	Khay lưới	Khay lưới kích thước khoảng (540 x 250 x 60 mm) ±10%	2	Cái
167	Cột sống 1 Bổ sung	Lưới silicone	Lưới silicone màu xanh, có lỗ, làm khô ráo và chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1. kích thước ≤ 250 x 250mm	4	Cái
168	Cột sống 2 bổ sung	Banh tự động	Banh Gelpi, 1 x 1 răng, nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 175 mm	2	Cái
169	Cột sống 2 bổ sung	Banh tự động	Banh Norfolk-Norwich, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, 4 x 5 răng tù	2	Cái
170	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưỡi lê, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, ngàm rộng 3mm, gấp góc lên 130° hoặc 40° góc ngoài	1	Cái
171	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưỡi lê, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, ngàm rộng 4mm, gấp góc lên 130° hoặc 40° góc ngoài	1	Cái
172	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, tay cầm dạng lưỡi lê, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, ngàm rộng 5mm, gấp góc lên 130° hoặc 40° góc ngoài	1	Cái
173	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130 ° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 3 mm	2	Cái
174	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130 ° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm , ngàm rộng: 4 mm	2	Cái
175	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh - thẳng, đầu cắt cong lên 130 ° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm , ngàm rộng: 5 mm	2	Cái
176	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống Kerrison, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, ngàm rộng 2mm, đầu ngàm mảnh, gấp góc lên 130° hoặc 40° góc ngoài	1	Cái
177	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130 ° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm , ngàm rộng: 2 mm	1	Cái
178	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130 ° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm , ngàm rộng: 1 mm	1	Cái
179	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130 °, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm , ngàm rộng: 1 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	1	Cái
180	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130 ° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm , ngàm rộng: 2 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	1	Cái
181	Cột sống 2 bổ sung	Kim găm xương	Kim cắt xương Liston, dài trong khoảng từ ≥ 250 mm đến ≤ 255 mm, hoạt động đôi hoặc tương đương	1	Cái
182	Cột sống 2 bổ sung	Kim găm xương	Gu găm xương Leksell, gấp góc bên, hoạt động đôi, kích thước ngàm khoảng 3.3 x 18mm, dài trong khoảng từ ≥ 220 đến ≤ 250mm	2	Cái

SFT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
183	Cột sống 2 bổ sung	Kim găm xương	Gu găm xương Leksell, gấp góc bên, hoạt động đôi, kích thước ngàm khoảng 4.5 x 16mm, dài trong khoảng từ ≥ 220 đến ≤ 250 mm	2	Cái
184	Cột sống 2 bổ sung	Kim găm xương	Gu găm xương BEYER, cong, hoạt động đôi, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm	1	Cái
185	Cột sống 2 bổ sung	Kim găm xương	Gu găm xương Boehler, cong, hoạt động đôi, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm	1	Cái
186	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến ≤ 185 mm, ngàm rộng 3mm, quay xuống, có khóa	2	Cái
187	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến ≤ 185 mm, ngàm rộng 3mm, quay lên, có khóa	2	Cái
188	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm, ngàm rộng 3mm, thẳng, có khóa	2	Cái
189	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm, ngàm rộng 6mm, thẳng, có khóa	2	Cái
190	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm thẳng, rộng 1,5mm, có răng nửa ngàm	1	Cái
191	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm thẳng, rộng 2mm, có răng nửa ngàm	1	Cái
192	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ găm đĩa đệm	Dụng cụ găm đĩa đệm, màu đen, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm thẳng, rộng 3mm, có răng nửa ngàm	1	Cái
193	Cột sống 2 bổ sung	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay lên size 0, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
194	Cột sống 2 bổ sung	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay xuống size 0, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
195	Cột sống 2 bổ sung	Curet	Curet mỏ cổ cong lên size 0, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
196	Cột sống 2 bổ sung	Curet	Curet mỏ cổ cong xuống size 0, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
197	Cột sống 2 bổ sung	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay lên size 000, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
198	Cột sống 2 bổ sung	Curet	Curet mỏ cổ thẳng quay xuống size 000, dáng lưỡi lê, mũi nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
199	Cột sống 2 bổ sung	Ống hút	Ống hút Fergusson, trục Luer, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, đường kính 12Fr/4mm, dùng cho ống hút đường kính 6-9mm	2	Cái
200	Cột sống 2 bổ sung	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 10FR/3,30mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130-140mm.	2	Cái
201	Cột sống 2 bổ sung	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 12FR/4mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130-140mm.	2	Cái
202	Cột sống 2 bổ sung	Ống hút	Ống hút, cỡ lớn, đường kính 8FR/2.7mm, đầu hình giọt nước, thon, dài khoảng 205mm, chiều dài hoạt động 130-140mm.	2	Cái
203	Cột sống 2 bổ sung	Cán dao	Cán dao mỏ hình lưỡi lê, thân tròn, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm	2	Cái
204	Cột sống 2 bổ sung	Cán dao	Cán dao mỏ, số 4, dài khoảng 135 mm	1	Cái
205	Cột sống 2 bổ sung	Kéo phẫu thuật	Kéo phẫu thuật Mayo-Noble, thẳng, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ ≥ 160 mm đến ≤ 170 mm	2	Cái
206	Cột sống 2 bổ sung	Kéo phẫu thuật	Kéo Metzenbaum cán vàng, cong, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 230 mm	4	Cái
207	Cột sống 2 bổ sung	Kéo phẫu thuật	Kéo Metzenbaum, thẳng, mũi tù/tù, cán vàng, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm	2	Cái
208	Cột sống 2 bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Hegar-Mayo, thẳng, cán vàng, bước răng 0.5mm, dài trong khoảng từ ≥ 230 mm đến ≤ 240 mm	2	Cái
209	Cột sống 2 bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Crile-Wood, thẳng, cán vàng, bước răng 0.4 mm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm	4	Cái
210	Cột sống 2 bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Hegar-Mayo, thẳng, cán vàng, bước răng 0.5mm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 185 mm	2	Cái
211	Cột sống 2 bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Mayo-Hegar, thẳng, dài khoảng từ 150 mm đến 170mm, ngàm răng cưa có rãnh dọc	4	Cái
212	Cột sống 2 bổ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Mayo-Hegar, thẳng, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, ngàm răng cưa có rãnh dọc	4	Cái
213	Cột sống 2 bổ sung	Kẹp mạch máu	Kẹp mạch máu Heiss, cong, dài khoảng 200mm	4	Cái
214	Cột sống 2 bổ sung	Kẹp mạch máu	Kẹp mạch máu Spencer-Wells (Jones), cong, dài trong khoảng từ ≥ 120 mm đến ≤ 130 mm	4	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
215	Cột sống 2 bổ sung	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, ngàm có răng 1x2.	4	Cái
216	Cột sống 2 bổ sung	Nhíp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, loại mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2)	4	Cái
217	Cột sống 2 bổ sung	Nhíp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, thẳng, ngàm có khía	4	Cái
218	Cột sống 2 bổ sung	Nhíp phẫu tích	Kẹp phẫu tích thông thường, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, thẳng.	4	Cái
219	Cột sống 2 bổ sung	Nhíp phẫu tích	Nhíp không chấn thương răng De Bakey, dài trong khoảng từ ≥ 230 mm đến ≤ 240 mm, ngàm rộng 1.50mm	4	Cái
220	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương Langenbeck, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, cong, đầu rộng 17 mm hoặc tương đương	2	Cái
221	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương Sedillot, cong, đầu nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đầu rộng 18mm	2	Cái
222	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương thẳng, lưỡi tròn, sắc, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, đầu rộng 14mm	2	Cái
223	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ nạo róc xương	Dụng cụ nạo róc xương Cobb, dài trong khoảng từ ≥ 270 mm đến ≤ 280 mm, cong, đầu nhọn, đầu rộng khoảng 20 mm	2	Cái
224	Cột sống 2 bổ sung	Đục xương	Đục lòng máng Zielke lưỡi cong, kích thước lưỡi, 9,0 mm, dài trong khoảng từ ≥ 230 mm đến ≤ 240 mm	2	Cái
225	Cột sống 2 bổ sung	Đục xương	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 10 mm	2	Cái
226	Cột sống 2 bổ sung	Đục xương	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 6mm	2	Cái
227	Cột sống 2 bổ sung	Đục xương	Đục xương Hibbs, cong, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 , lưỡi rộng 6mm.	2	Cái
228	Cột sống 2 bổ sung	Đục xương	Đục xương Hibbs, cong, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 , lưỡi rộng 10mm.	2	Cái
229	Cột sống 2 bổ sung	Búa	Búa, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đường kính đầu khoảng 25mm	1	Cái
230	Cột sống 2 bổ sung	Búa	Búa, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đường kính đầu khoảng 30mm	1	Cái
231	Cột sống 2 bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Kranyebuehl, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, mũi dài 3,7mm	2	Cái
232	Cột sống 2 bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Kranyebuehl, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, mũi dài 2,7mm	2	Cái
233	Cột sống 2 bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Caspar, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, sâu 5mm	1	Cái
234	Cột sống 2 bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Caspar, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm, sâu 7mm	1	Cái
235	Cột sống 2 bổ sung	Móc thần kinh	Móc thần kinh Crile, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, sâu 8mm	1	Cái
236	Cột sống 2 bổ sung	Vén rẽ thần kinh	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu Caspar, cong xuống dưới, đầu tù, cán hình lưỡi lê, cán tròn, dài dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, đầu rộng 4,50mm	1	Cái
237	Cột sống 2 bổ sung	Vén rẽ thần kinh	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu, cong nhẹ, cán tròn, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, đầu rộng khoảng từ ≥ 1 mm đến ≤ 2 mm	2	Cái
238	Cột sống 2 bổ sung	Vén rẽ thần kinh	Vén rẽ thần kinh Cushing, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, sâu 5mm	2	Cái
239	Cột sống 2 bổ sung	Vén rẽ thần kinh	Vén rẽ thần kinh Cushing, gấp góc 90°, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, sâu 8mm	2	Cái
240	Cột sống 2 bổ sung	Vén rẽ thần kinh	Vén rẽ thần kinh Love hoặc tương đương, hình lưỡi lê, đầu tù, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm, ngàm rộng 3,5 mm	2	Cái
241	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ nạo róc	Dụng cụ nạo róc Freer-Yasargil, cong, hai đầu, nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm	2	Cái
242	Cột sống 2 bổ sung	Dụng cụ bẫy xương	Dụng cụ bẫy xương Freer, cong, đầu tù, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, đầu rộng 4mm	2	Cái
243	Cột sống 2 Bổ sung	Nắp hộp	Nắp hộp đồng công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, 5000 lần tiết khuẩn . Cỡ 1/1, màu đỏ. Nắp và lẫy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ	1	Cái
244	Cột sống 2 Bổ sung	Đáy hộp	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài 592 x 274 x 187mm	1	Cái
245	Cột sống 2 bổ sung	Khay lưới	Khay lưới kích thước khoảng (540 x 250 x 60 mm) $\pm 10\%$	2	Cái
246	Cột sống 2 bổ sung	Lưới silicone	Lưới silicone màu xanh, có lỗ, làm khô ráo và chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1. kích thước ≤ 250 x 250mm	4	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
247	Bộ sơ não mới	Cán dao mổ	Cán dao mổ, số 4, dài khoảng 135 mm	3	Cái
248	Bộ sơ não mới	Cán dao mổ	Cán dao mổ, số 3, dài khoảng 125mm	3	Cái
249	Bộ sơ não mới	Cán dao mổ bayonet	Cán dao mổ hình lưỡi lê, thân tròn, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm	2	Cái
250	Bộ sơ não mới	Nhíp mô	Nhíp mô Adson (Micro), mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2), dài trong khoảng từ ≥ 140 mm đến ≤ 150 mm	5	Cái
251	Bộ sơ não mới	Nhíp mô	Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm	5	Cái
252	Bộ sơ não mới	Nhíp mô	Nhíp phẫu tích, thẳng, loại nhỏ, ngàm có khóa, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm	4	Cái
253	Bộ sơ não mới	Kẹp De Bakey	Kẹp không chấn thương, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm, ngàm rộng 1mm	4	Cái
254	Bộ sơ não mới	Kẹp De Bakey	Kẹp không chấn thương, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm rộng 2mm	3	Cái
255	Bộ sơ não mới	Kẹp Gerald không máu	Kẹp vi phẫu Gerald, mũi mảnh có khóa, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm	3	Cái
256	Bộ sơ não mới	Kẹp Gerald có máu	Kẹp vi phẫu Gerald, mũi mảnh có máu, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm	3	Cái
257	Bộ sơ não mới	Kẹp vi phẫu De Bakey	Kẹp vi phẫu không chấn thương De bakey, hăng, ngàm có răng De Bakey, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, ngàm rộng 1mm	3	Cái
258	Bộ sơ não mới	Nhíp phẫu tích Gruenwald Bayonet	Nhíp phẫu tích không chấn thương Gruenwald hoặc tương đương ngàm phủ Tungsten Carbide, cán vàng, thẳng, hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm	2	Cái
259	Bộ sơ não mới	Ống hút Fukushima 6Fr (size M)	Ống hút Fukushima, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, chiều dài hoạt động 115mm, đường kính 6Fr	3	Cái
260	Bộ sơ não mới	Ống hút Fukushima 8Fr (Sze M)	Ống hút Fukushima, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, chiều dài hoạt động 115mm, đường kính 8Fr	4	Cái
261	Bộ sơ não mới	Ống hút Fukushima 6FR (Size L)	Ống hút Fukushima, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm, chiều dài hoạt động 140mm, đường kính 6Fr	4	Cái
262	Bộ sơ não mới	Ống hút Fukushima 8Fr (Size L)	Ống hút Fukushima, cỡ lớn, đường kính 8FR/2.7mm, đầu hình giọt nước, thon, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm, chiều dài hoạt động 130-140mm.	3	Cái
263	Bộ sơ não mới	Ống hút Fukushima 12Fr (Size M)	Ống hút Fukushima, dài 180mm, chiều dài hoạt động 115mm, đường kính 12Fr	2	Cái
264	Bộ sơ não mới	Ống hút Fukushima 12Fr (Size L)	Ống hút Fukushima, cỡ lớn, đường kính 12FR/4mm, đầu hình giọt nước, thon, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm, chiều dài hoạt động 130- 140mm.	1	Cái
265	Bộ sơ não mới	Ống hút Fukushima 6Fr (Size XL)	Ống hút Fukushima, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, chiều dài hoạt động 165mm, đường kính 6Fr	2	Cái
266	Bộ sơ não mới	Banh vết thương Farabeuf	Banh vết thương Farabeuf, loại nhỏ, hai đầu, dài trong khoảng từ ≥ 120 mm đến ≤ 130 mm, bộ 2 chiếc, kích thước 22 x 10mm, 25 x 10mm, 28 x 12mm, 32 x 12mm	2	Bộ
267	Bộ sơ não mới	Vén não	Vén não, hai đầu, dẹt, dễ uốn, có khóa chéo, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, rộng 9mm	2	Cái
268	Bộ sơ não mới	Vén não	Vén não, hai đầu, dẹt, dễ uốn, có khóa chéo, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, rộng 12mm	2	Cái
269	Bộ sơ não mới	Vén não	Vén não, hai đầu, dẹt, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, chiều rộng 2 đầu 7mm, 9mm	2	Cái
270	Bộ sơ não mới	Vén não	Vén não, hai đầu, dẹt, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, chiều rộng 2 đầu 11mm, 13mm	2	Cái
271	Bộ sơ não mới	Vén não	Vén não, hai đầu, dẹt, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, chiều rộng 2 đầu 15mm, 18mm	2	Cái
272	Bộ sơ não mới	Vén não	Vén não, hai đầu, dẹt, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 190 mm, chiều rộng 2 đầu 18mm, 22mm	2	Cái
273	Bộ sơ não mới	Vén não	Vén não, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, lưỡi rộng 17mm	2	Cái
274	Bộ sơ não mới	Vén não	Vén não, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm, lưỡi rộng 25mm	2	Cái
275	Bộ sơ não mới	Thìa nạo xương	Thìa nạo xương Halle, số 00, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm, đầu rộng 4,40mm	2	Cái
276	Bộ sơ não mới	Thìa nạo xương	Thìa nạo xương Lampert, số 00, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 210 mm đến ≤ 220 mm, đầu rộng 2,40mm	2	Cái
277	Bộ sơ não mới	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương, dạng thẳng, đầu vuông, ngang 6 mm, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 210 mm	2	Cái
278	Bộ sơ não mới	Dụng cụ róc xương	Dụng cụ róc xương Farabeuf, thẳng, đầu nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 140 mm đến ≤ 150 mm, đầu rộng 12,50mm	2	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
279	Bộ sọ não mới	Dụng cụ nạo róc	Dụng cụ nạo róc Freer-Yasargil, cong, hai đầu, nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{mm}$ đến $\leq 190\text{mm}$	3	Cái
280	Bộ sọ não mới	Róc màng cứng	Róc màng cứng dài 165mm	3	Cái
281	Bộ sọ não mới	Róc màng cứng	Róc màng cứng dài 200mm	3	Cái
282	Bộ sọ não mới	Dụng cụ róc mài xương	Dụng cụ róc mài xương kích thước 8mm 160mm	2	Cái
283	Bộ sọ não mới	Róc mài xương	Róc mài xương Adson, thẳng, mũi 8mm, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	4	Cái
284	Bộ sọ não mới	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích Hastled-Mosquito, cong, mảnh, dài trong khoảng từ $\geq 120\text{mm}$ đến $\leq 130\text{mm}$	10	Cái
285	Bộ sọ não mới	Kẹp động mạch Kelly	Kẹp động mạch Kelly, mảnh, cong, dài trong khoảng từ $\geq 130\text{mm}$ đến $\leq 140\text{mm}$	10	Cái
286	Bộ sọ não mới	Kẹp động mạch Crile	Kẹp động mạch Crile, mảnh, thẳng, dài trong khoảng từ $\geq 130\text{mm}$ đến $\leq 140\text{mm}$	5	Cái
287	Bộ sọ não mới	Kẹp gấp bông băng Foerster-Ballenger	Kẹp gấp bông băng Foerster-Ballenger, thẳng, dài trong khoảng từ $\geq 240\text{mm}$ đến $\leq 250\text{mm}$	2	Cái
288	Bộ sọ não mới	Kẹp phẫu tích mô Allis	Kẹp phẫu tích mô Allis, ngàm có răng 5x6, dài trong khoảng từ $\geq 150\text{mm}$ đến $\leq 160\text{mm}$	2	Cái
289	Bộ sọ não mới	Kẹp vi phẫu Yasargil (Pince gấp u 5mm)	Kẹp vi phẫu Yasargil, cán hình lưỡi liềm, cán có lỗ, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{mm}$ đến $\leq 200\text{mm}$, ngàm có khía, đường kính ngàm 5mm	2	Cái
290	Bộ sọ não mới	Kẹp vi phẫu Yasargil (Pince gấp u 3mm)	Kẹp vi phẫu Yasargil, cán hình lưỡi liềm, cán có lỗ, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{mm}$ đến $\leq 200\text{mm}$, ngàm có khía, đường kính ngàm 3mm	2	Cái
291	Bộ sọ não mới	Kẹp sığ Backhaus	Kẹp sığ Backhaus, dài trong khoảng từ $\geq 110\text{ mm}$ đến $\leq 130\text{ mm}$	10	Cái
292	Bộ sọ não mới	Kẹp mang kim Mayo-Hegar	Kẹp mang kim Mayo-Hegar, thẳng, dài trong khoảng từ $\geq 150\text{ mm}$ đến $\leq 160\text{mm}$, ngàm có khía, dùng cho chỉ tới 3/0	3	Cái
293	Bộ sọ não mới	Kẹp mang kim Crile-Wood	Kẹp mang kim Crile-Wood ngàm phủ Tungsten Carbide, cán vàng, thẳng, bước răng 0,40mm, dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài trong khoảng từ $\geq 140\text{ mm}$ đến $\leq 150\text{mm}$	3	Cái
294	Bộ sọ não mới	Kẹp mang kim De Bakey cán vàng	Kẹp mang kim De Bakey ngàm phủ Tungsten Carbide, cán vàng, thẳng, bước răng 0,40mm, dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	3	Cái
295	Bộ sọ não mới	Kẹp mang kim De Bakey cán vàng	Kẹp mang kim De Bakey ngàm phủ Tungsten Carbide, cán vàng, thẳng, ngàm rất mảnh, bước răng 0,40mm, dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài trong khoảng từ $\geq 160\text{mm}$ đến $\leq 170\text{mm}$	3	Cái
296	Bộ sọ não mới	Kéo phẫu tích Toennis-Adson cán vàng	Kéo phẫu tích Metzenbaum (Baby) Noir ngàm phủ Tungsten Carbide, cán vàng, mảnh, cong, mũi tù/tù, màu đen, dài trong khoảng từ $\geq 140\text{mm}$ đến $\leq 150\text{mm}$	2	Cái
297	Bộ sọ não mới	Kéo phẫu tích Toennis-Adson cán vàng	Kéo phẫu tích Toennis-Adson ngàm phủ Tungsten Carbide, cán vàng, mảnh, cong, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	4	Cái
298	Bộ sọ não mới	Kéo phẫu thuật Mayo	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ $\geq 150\text{mm}$ đến $\leq 160\text{mm}$	2	Cái
299	Bộ sọ não mới	Kéo phẫu tích Metzenbaum	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	4	Cái
300	Bộ sọ não mới	Kéo phẫu tích baby Metzenbaum	Kéo phẫu tích baby Metzenbaum, mảnh, cong, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ $\geq 140\text{mm}$ đến $\leq 150\text{mm}$	4	Cái
301	Bộ sọ não mới	Banh tự giữ WEITLANER	Banh tự giữ Weitlaner, 3x4 răng tù, dài trong khoảng từ $\geq 130\text{mm}$ đến $\leq 140\text{mm}$	2	Cái
302	Bộ sọ não mới	Banh tự giữ Wullstein	Banh tự giữ Wullstein, 3x4 răng tù, dài trong khoảng từ $\geq 120\text{mm}$ đến $\leq 130\text{mm}$	2	Cái
303	Bộ sọ não mới	Banh phẫu thuật Adson - Baby	Banh phẫu thuật Adson - Baby, 3x4 răng, răng nhọn vừa, có khớp, dài trong khoảng từ $\geq 160\text{mm}$ đến $\leq 170\text{mm}$.	2	Cái
304	Bộ sọ não mới	Búa	Búa, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{ mm}$ đến $\leq 190\text{mm}$, đường kính đầu 25mm	2	Cái
305	Bộ sọ não mới	Búa	Búa, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{ mm}$ đến $\leq 190\text{mm}$, đường kính đầu khoảng 30mm	1	Cái
306	Bộ sọ não mới	Kim găm xương dạng mảnh	Kim găm xương dạng mảnh, ngàm cong, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 180\text{ mm}$	2	Cái
307	Bộ sọ não mới	Kim găm xương trợ lực rất mạnh	Kim găm xương trợ lực rất mạnh, gấp góc bên, dài trong khoảng từ $\geq 230\text{ mm}$ đến $\leq 240\text{mm}$	2	Cái
308	Bộ sọ não mới	Thanh nâng tay cố định	Kim găm xương Lempert, cong, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{ mm}$ đến $\leq 200\text{mm}$	2	Cái
309	Bộ sọ não mới	Khớp nối thanh cố định dụng cụ	Khớp nối thanh cố định dụng cụ với thanh bên bản mô, kích thước khoảng 10 x 25mm	1	Cái
310	Bộ sọ não mới	Thanh nâng tay cố định dụng cụ phẫu thuật	Thanh nâng tay cố định dụng cụ phẫu thuật	1	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
311	Bộ sơ não mới	Đầu nối với tay giữ dụng cụ	Đầu nối với 1-5 tay giữ dụng cụ phẫu thuật	1	Cái
312	Bộ sơ não mới	Tay giữ dụng cụ phẫu thuật	Tay giữ dụng cụ phẫu thuật sơ não Yasargil	3	Cái
313	Bộ sơ não mới	Tay giữ hỗ trợ dùng cho vén não	Tay giữ hỗ trợ dùng cho vén não, tay cầm tròn, chiều dài hoạt động khoảng 5,5mm	3	Cái
314	Bộ sơ não mới	Vén não Heifetz	Vén não Heifetz, cán tròn, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm, chiều dài lưỡi 100mm, lưỡi rộng 8mm, đường kính cán 3,50mm	2	Cái
315	Bộ sơ não mới	Vén não Heifetz	Vén não Heifetz, cán tròn, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm, chiều dài lưỡi 100mm, lưỡi rộng 11mm, đường kính cán 3,50mm	2	Cái
316	Bộ sơ não mới	Vén não Heifetz	Vén não Heifetz, cán tròn, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm, chiều dài lưỡi 100mm, lưỡi rộng 14mm, đường kính cán 3,50mm	2	Cái
317	Bộ sơ não mới	Vén não Heifetz	Vén não Heifetz, cán tròn, dễ uốn, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm, chiều dài lưỡi 100mm, lưỡi rộng 17mm, đường kính cán 3,50mm	2	Cái
318	Bộ sơ não mới	Súng bắn clip	Súng bắn clip kẹp cầm máu da đầu	2	Cái
319	Bộ sơ não mới	Tay cầm dùng cho clip kẹp phình mạch máu não	Tay cầm dùng cho clip kẹp phình mạch máu não, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, chiều dài làm việc 90mm, có thể xoay 360 độ.	2	Cái
320	Bộ sơ não mới	Tay cầm dùng cho clip kẹp phình mạch máu não mini	Tay cầm dùng cho clip kẹp phình mạch máu não mini, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, chiều dài làm việc 90mm, có thể xoay 360 độ.	2	Cái
321	Bộ sơ não mới	Nắp hộp	Nắp hộp đồng công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, 5000 lần tiết khuẩn . Cỡ 1/1, màu đỏ. Nắp và lẫy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ	1	Cái
322	Bộ sơ não mới	Đáy hộp	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài 592 x 274 x 187mm	1	Cái
323	Bộ sơ não mới	Khay lưới	Khay lưới kích thước khoảng (540 x 250 x 60 mm) $\pm 10\%$	1	Cái
324	Bộ sơ não mới	Khay lưới	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, có chân, kích thước 540 x 253 x 76 mm	1	Cái
325	Bộ sơ não mới	Lưới silicone	Lưới silicone làm khô ráo và chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1, kích thước 536 x 250 mm	1	Cái
326	Bộ sơ não mới	Ống chọc dò não thất	Ống chọc dò não thất Dandy hoặc tương đương, thẳng, đầu tù, thân chia đoạn, dài trong khoảng từ ≥ 100 mm đến ≤ 110 mm, chiều dài hoạt động 95mm, đường kính 2mm	2	Cái
327	Bộ sơ não mới	Kẹp mang kim vi phẫu	Kẹp mang kim vi phẫu, đầu thẳng, dài trong khoảng từ ≥ 150 mm đến ≤ 160 mm, dùng cho chỉ 9/0-10/0	1	Cái
328	Bộ sơ não mới	Kerrison 2mm	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm , ngàm rộng: 2 mm	2	Cái
329	Bộ sơ não mới	Kerrison 3mm	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng: 3 mm	2	Cái
330	Bộ sơ não mới	Kerrison 4mm	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lẫy mở hàm vệ sinh , thẳng, đầu cắt cong lên 130° hoặc 40° góc ngoài, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm , ngàm rộng: 4 mm	2	Cái
331	Bộ sơ não mới	Luồn sơ	Cây dẫn luồn sơ, linh động, dài trong khoảng từ ≥ 340 mm đến ≤ 350 mm, sử dụng để dẫn dây của sơ Gigli và Olivecrona	4	Cái
332	Bộ sơ não mới	Gigli	Tay kéo dây của sơ Gigli	4	Cái
333	Bộ sơ não mới	Đục 6mm	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 6mm	2	Cái
334	Bộ sơ não mới	Đục 10mm	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 10 mm	2	Cái
335	Bộ sơ não mới	Đục Cottle 4mm	Đục xương Cottle, không có tay cầm, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 4 mm	2	Cái
336	Bộ sơ não mới	Banh phẫu thuật	Banh phẫu thuật Kocher, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, kích thước lưỡi 60 x 20mm	2	Cái
337	Bộ sơ não mới	Kéo cắt mesh	Kéo cắt mesh cong dài 190mm	2	Cái
338	Bộ sơ não mới	Kéo cắt nếp	Kéo cắt nếp thẳng dài 110mm	2	Cái
339	Bộ sơ não mới	Dụng cụ uốn nếp	Dụng cụ uốn nếp dài 150mm	2	Cái
340	Bộ sơ não mới	Khay quả thận	Khay quả thận dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm	4	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
341	Bộ sơ não mới	Bát đựng	Bát đựng bệnh phẩm dung tích khoảng 300 ml	4	Cái
342	Bộ sơ não mới	Bát đựng	Bát đựng bệnh phẩm dung tích khoảng 1000 ml	4	Cái
343	Bộ sơ não mới	Nhíp vi phẫu thẳng	Nhíp phẫu thuật, thẳng, ngâm trơn, dài trong khoảng từ $\geq 150\text{mm}$ đến $\leq 160\text{mm}$, ngâm rộng 0.80mm	2	Cái
344	Bộ sơ não mới	Nhíp vi phẫu cong	Nhíp vi phẫu cán vàng, cong, mũi bằng, ngâm phủ bụi kim cương, cán tròn, dài trong khoảng từ $\geq 140\text{mm}$ đến $\leq 150\text{mm}$	1	Cái
345	Bộ sơ não mới	Nhíp vi phẫu bayonet	Nhíp vi phẫu tay cầm hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{mm}$ đến $\leq 190\text{mm}$, chiều dài sử dụng 70mm, chiều rộng ngâm 0,9mm	2	Cái
346	Bộ sơ não mới	Nhíp vi phẫu bayonet	Nhíp vi phẫu tay cầm hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{mm}$ đến $\leq 190\text{mm}$, chiều dài sử dụng 70mm, chiều rộng ngâm 0,5mm	2	Cái
347	Bộ sơ não mới	Nhíp vi phẫu YASARGIL	Nhíp vi phẫu Yasargil, cán có lỗ, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{mm}$ đến $\leq 200\text{mm}$, ngâm rộng 0,90mm	2	Cái
348	Bộ sơ não mới	Nhíp vi phẫu ngâm phủ Tungsten carbide	Nhíp vi phẫu mạ đen, ngâm phủ Tungsten Carbide, thẳng, dài trong khoảng từ $\geq 130\text{mm}$ đến $\leq 140\text{mm}$, ngâm rộng 0.3mm	2	Cái
349	Bộ sơ não mới	Nhíp vi phẫu ngâm phủ Tungsten carbide	Nhíp vi phẫu mạ đen, ngâm phủ Tungsten Carbide, thẳng, dài trong khoảng từ $\geq 160\text{mm}$ đến $\leq 170\text{mm}$, ngâm rộng 0.3mm	2	Cái
350	Bộ sơ não mới	Kéo vi phẫu đen cong	Kéo vi phẫu mạ đen, dài trong khoảng từ $\geq 160\text{mm}$ đến $\leq 170\text{mm}$, đầu cong, nhọn/nhọn	2	Cái
351	Bộ sơ não mới	Kéo vi phẫu đen cán bayonet	Kéo vi phẫu mạ đen, tay cầm hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, đầu cong sang trái 45 độ, nhọn/tù	2	Cái
352	Bộ sơ não mới	Kéo vi phẫu ngắn nhọn/nhọn	Kéo vi phẫu mạ đen, dài trong khoảng từ $\geq 130\text{mm}$ đến $\leq 140\text{mm}$, đầu cong, nhọn/nhọn	1	Cái
353	Bộ sơ não mới	Kéo vi phẫu ngắn nhọn/tù	Kéo vi phẫu mạ đen, dài trong khoảng từ $\geq 130\text{mm}$ đến $\leq 140\text{mm}$, đầu cong, nhọn/tù	1	Cái
354	Bộ sơ não mới	Hộp đựng đồ bypass	Khay lưới đựng đồ vi phẫu Bypass hoặc tương đương kích thước khoảng 410 x 257 x 56mm	1	Cái
355	Bộ sơ não mới	Điều chỉnh áp lực hút	Điều chỉnh áp lực hút	3	Cái
356	Bộ sơ não mới	Kìm cắt chỉ thép	Kìm cắt chỉ thép Harvey hoặc tương đương ngâm phủ Tungsten Carbide, cán vàng, ngâm có cạnh rất sắc, chiều dài hoạt động từ $\geq 210\text{mm}$ đến $\leq 240\text{mm}$	1	Cái
357	Bộ sơ não mới	Kẹp lưỡng cực	Kẹp lưỡng cực, thẳng, hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 250\text{mm}$ đến $\leq 260\text{mm}$, chiều dài làm việc 135mm, ngâm nhọn, rộng 0,70mm	2	Cái
358	Bộ sơ não mới	Kẹp lưỡng cực đầu T	Kẹp lưỡng cực, thẳng, hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 250\text{mm}$ đến $\leq 260\text{mm}$, chiều dài làm việc 135mm, ngâm hình chữ T, rộng 0,70mm	2	Cái
359	Sơ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu Perneczky/Cristante XS hoặc tương đương, cong, cán hình lưỡi lê, hình súng, cán kiểu nhíp, mũi nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, có thể tháo rời	2	Cái
360	Sơ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu Perneczky/Cristante XS hoặc tương đương, cong, cán hình lưỡi lê, hình súng, cán kiểu nhíp, mũi tù/tù, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, có thể tháo rời	2	Cái
361	Sơ não 1 bộ sung	Kẹp vi phẫu	Kẹp vi phẫu Perneczky/Cristante XS hoặc tương đương, cán hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, ngâm rộng 0,9mm.	2	Cái
362	Sơ não 1 bộ sung	Kẹp vi phẫu	Kẹp vi phẫu Perneczky/Cristante XS hoặc tương đương, cán hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{mm}$ đến $\leq 200\text{mm}$, chiều dài hoạt động 70mm, ngâm rộng 0,9mm	2	Cái
363	Sơ não 1 bộ sung	Kẹp vi phẫu	Kẹp phẫu tích mô Perneczky/Cristante XS hoặc tương đương, cán hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{mm}$ đến $\leq 200\text{mm}$, chiều dài hoạt động 70mm, mũi nhọn/nhọn, đường kính ngâm 3mm	2	Cái
364	Sơ não 1 bộ sung	Kẹp vi phẫu	Kẹp phẫu tích mô Perneczky/Cristante XS hoặc tương đương, cán hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, mũi nhọn/nhọn, đường kính ngâm 3mm.	2	Cái
365	Sơ não 1 bộ sung	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu Caspar, cong xuống dưới, hình lưỡi lê, cán tròn, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, đầu tù, rộng 2 mm	2	Cái
366	Sơ não 1 bộ sung	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu Caspar, cong xuống dưới, hình lưỡi lê, cán tròn, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, đầu tù, rộng 4,50mm	2	Cái
367	Sơ não 1 bộ sung	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu	Dụng cụ vi phẫu, hình lưỡi lê, cán tròn, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, mũi cong lên, mũi hình đĩa, nhọn, rộng 3,2mm	2	Cái
368	Sơ não 1 bộ sung	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu	Dụng cụ vi phẫu, hình lưỡi lê, cán tròn, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, mũi cong lên, mũi tù, rộng 1,7mm	2	Cái
369	Sơ não 1 bộ sung	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu	Dụng cụ vi phẫu, hình lưỡi lê, cán tròn, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 100mm, mũi cong xuống, mũi tù, rộng 1,7mm	2	Cái
370	Sơ não 1 bộ sung	Dao phẫu tích mạch máu	Dao phẫu tích mạch máu Koos, loại nhỏ, cán tròn, hình lưỡi lê, mũi cong lên, nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{mm}$ đến $\leq 190\text{mm}$	2	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
371	Sọ não 1 bộ sung	Dao phẫu tích mạch máu	Dao phẫu tích mạch máu Koos, loại nhỏ, cán tròn, hình lưỡi lê, mũi cong xuống, nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{mm}$ đến $\leq 190\text{mm}$	2	Cái
372	Sọ não 1 bộ sung	Dụng cụ đặt clip	Tay cầm dùng cho clip kẹp phình mạch máu não, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, có thể xoay 360 độ.	1	Cái
373	Sọ não 1 bộ sung	Dụng cụ đặt clip	Tay cầm dùng cho clip kẹp phình mạch máu não mini, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, có thể xoay 360 độ.	1	Cái
374	Sọ não 1 bộ sung	Nắp hộp	Nắp hộp sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, ≥ 5000 lần tiết khuẩn . Cỡ 3/4, màu xanh lá. Nắp và lẫy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ.	1	Cái
375	Sọ não 1 bộ sung	Đáy hộp	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 3/4, kích thước ngoài khoảng 480 x 280 x 135mm	1	Cái
376	Sọ não 1 bộ sung	Khay lưới bảo quản	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 3/4, có chân, kích thước khoảng 400 x 250 x 80 mm	1	Cái
377	Sọ não 1 bộ sung	Miếng Silicone	Miếng Silicone cố định dụng cụ, loại 1, kích thước 240 x 40 mm	2	Cái
378	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu bayonet	Kéo vi phẫu mạ đen, cán hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, hơi cong nhẹ, nhọn/nhọn	2	Cái
379	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu bayonet	Kéo vi phẫu mạ đen, cán hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, hơi cong nhẹ, tù/ tù	1	Cái
380	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu mũi tù	Kéo vi phẫu Mueller, dài trong khoảng từ $\geq 110\text{ mm}$ đến $\leq 120\text{mm}$, mũi cong, tù/tù	1	Cái
381	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu mũi thăm	Kéo vi phẫu Mueller, dài trong khoảng từ $\geq 110\text{ mm}$ đến $\leq 120\text{mm}$, mũi cong, 1 đầu thăm	1	Cái
382	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu mũi nhọn	Kéo vi phẫu Mueller, dài trong khoảng từ $\geq 110\text{ mm}$ đến $\leq 120\text{mm}$, mũi cong, nhọn/nhọn	1	Cái
383	Sọ não 1 bộ sung	Dụng cụ róc mài xương	Dụng cụ róc xương vi phẫu, gập góc, cán tròn, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, mũi hình đĩa, sắc, rộng 2,2mm	2	Cái
384	Sọ não 1 bộ sung	Dụng cụ róc mài xương	Dụng cụ róc xương vi phẫu, gập góc, cán tròn, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, mũi hình đĩa, sắc, rộng 3,2mm	2	Cái
385	Sọ não 1 bộ sung	Dụng cụ luồn chỉ khâu	Dụng cụ luồn chỉ Caspar, loại nhẹ, cán tròn, hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$	2	Cái
386	Sọ não 1 bộ sung	Kim mang kim bayonet	Kim mang kim vi phẫu mạ đen, đáng lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 190\text{ mm}$ đến $\leq 200\text{mm}$, chiều dài làm việc 70mm, có khóa cài, ngâm trơn, dùng cho chỉ tới 7/0	1	Cái
387	Sọ não 1 bộ sung	Kim mang kim	Kim mang kim vi phẫu mạ đen, ngâm phủ Tungsten carbide, cán vàng, dài trong khoảng từ $\geq 160\text{ mm}$ đến $\leq 170\text{mm}$, chiều dài làm việc 80mm, có khóa cài	1	Cái
388	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp vi phẫu	Nhíp vi phẫu mạ đen, ngâm phủ Tungsten Carbide, đáng lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{ mm}$ đến $\leq 190\text{mm}$, chiều dài làm việc 70mm, ngâm rộng 0.9mm	2	Cái
389	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp vi phẫu	Nhíp vi phẫu mạ đen, ngâm phủ Tungsten Carbide, đáng lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{ mm}$ đến $\leq 210\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, ngâm rộng 0.9mm	2	Cái
390	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp vi phẫu gấp u	Nhíp vi phẫu gấp u mạ đen, ngâm có khóa, đáng lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{ mm}$ đến $\leq 210\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, ngâm rộng 3.5mm	1	Cái
391	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp vi phẫu gấp u	Nhíp vi phẫu gấp u mạ đen, ngâm có khóa, đáng lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{ mm}$ đến $\leq 210\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, ngâm rộng 2.5mm	1	Cái
392	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu mạ đen, cán hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 210\text{ mm}$ đến $\leq 220\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, đầu cong lên, nhọn/nhọn.	1	Cái
393	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, lưỡi thẳng, cán hình lưỡi lê, mũi nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$	1	Cái
394	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, lưỡi cong, cán hình lưỡi lê, mũi nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$	1	Cái
395	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, lưỡi thẳng, cán hình lưỡi lê, 1 ngâm có khóa, mũi nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$	1	Cái
396	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, dài $\geq 130\text{ mm}$ đến $\leq 170\text{ mm}$, đầu cong, tù, cán tròn	1	Cái
397	Sọ não 1 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, dài $\geq 130\text{ mm}$ đến $\leq 170\text{ mm}$, đầu thẳng, nhọn, cán tròn	1	Cái
398	Sọ não 1 bộ sung	Kim găm xương	Kim găm xương, hoạt động đôi, ngâm cong, dài trong khoảng từ $\geq 180\text{ mm}$ đến $\leq 200\text{mm}$	1	Cái
399	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp (Pince gấp u 3mm)	Nhíp kẹp mô Yasargil, cán dẹt, hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{mm}$ đến $\leq 220\text{mm}$, ngâm dạng thìa, đường kính ngâm 3mm	1	Cái
400	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp (pince gấp u 5mm)	Nhíp kẹp mô Yasargil, cán dẹt, hình lưỡi lê, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{mm}$ đến $\leq 220\text{mm}$, ngâm dạng thìa, đường kính ngâm 5 mm	1	Cái
401	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp (Pince gấp u 2.5mm quay 45 độ)	Nhíp gấp u, cán dẹt, hình lưỡi lê, mạ đen, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{mm}$ đến $\leq 210\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, mũi dạng thìa, cong lên 45 độ, đường kính ngâm 2.5mm, có khóa.	1	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
402	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp (Pince gấp u 2.5mm quay 90 độ)	Nhíp gấp u, cán dẹt, hình lưỡi lê, mạ đen, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{mm}$ đến $\leq 210\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, mũi dạng thìa, cong lên 90 độ, đường kính ngàm 2.5mm, có khóa.	1	Cái
403	Sọ não 1 bộ sung	Nhíp (Pince gấp u 2.5mm thẳng)	Nhíp gấp u, cán dẹt, hình lưỡi lê, mạ đen, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{mm}$ đến $\leq 210\text{mm}$, chiều dài làm việc 90mm, mũi dạng thìa, thẳng, đường kính ngàm 2.5mm, có khóa.	1	Cái
404	Sọ não 1 bộ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Hegar-Mayo, thẳng, cán vàng, bước răng 0.5mm, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 185\text{mm}$	2	Cái
405	Sọ não 1 bộ sung	Kẹp sãng	Kẹp sãng Backhaus, dài trong khoảng từ $\geq 120\text{ mm}$ đến $\leq 140\text{mm}$	5	Cái
406	Sọ não 1 bộ sung	Thìa nạo xương	Thìa nạo xương Bruns, dài khoảng trong khoảng từ $\geq 160\text{mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$, đầu rộng khoảng từ $\geq 3\text{mm}$ đến $\leq 3.3\text{mm}$	1	Cái
407	Sọ não 1 bộ sung	Ống hút Fukushima 4Fr (Size L)	Ống hút Fukushima, dài trong khoảng từ $\geq 200\text{ mm}$ đến $\leq 210\text{mm}$, chiều dài hoạt động 140mm, đường kính 4Fr	3	Cái
408	Sọ não 1 bộ sung	Ống hút Fukushima 6Fr (Size XL)	Ống hút Fukushima, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{mm}$, chiều dài hoạt động 165mm, đường kính 6Fr	2	Cái
409	Sọ não 1 bộ sung	Kerrison 2mm	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130 °, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 2 mm	2	Cái
410	Sọ não 1 bộ sung	Kerrison 3mm	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130 ° hoặc 40 ° góc ngoài, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 3 mm	2	Cái
411	Sọ não 1 bộ sung	Kerrison 4mm	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mỡ hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130 ° hoặc 40 ° góc ngoài, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 230\text{ mm}$, ngàm rộng: 4 mm	2	Cái
412	Sọ não 1 bộ sung	Luồn sọ	Cây dẫn luồn sọ, linh động, dài trong khoảng từ $\geq 340\text{mm}$ đến $\leq 350\text{mm}$, sử dụng để dẫn dây của sọ Gigli và Olivecrona	2	Cái
413	Sọ não 1 bộ sung	Gigli	Tay kéo dây của sọ Gigli	4	Cái
414	Sọ não 1 bộ sung	Đục 6mm	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 240\text{ mm}$, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 6mm	1	Cái
415	Sọ não 1 bộ sung	Đục Cottle 4mm	Đục xương Cottle, không có tay cầm, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{mm}$ đến $\leq 180\text{ mm}$, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 4 mm	1	Cái
416	Sọ não 1 bộ sung	Đục 10mm	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ $\geq 220\text{ mm}$ đến $\leq 240\text{ mm}$, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 10 mm	1	Cái
417	Sọ não 1 bộ sung	Khay quả thận	Khay quả thận dài trong khoảng từ $\geq 240\text{mm}$ đến $\leq 250\text{mm}$	4	Cái
418	Sọ não 2 bộ sung	Ống nội soi	Ống nội soi thần kinh MINOP, góc nhìn 30 độ, đường kính 4mm	1	Cái
419	Sọ não 2 bộ sung	Ống nội soi	Ống nội soi thần kinh MINOP, góc nhìn 30 độ, đường kính 2.75mm	1	Cái
420	Sọ não 2 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu Caspar, cong, mũi nhọn/nhọn, hình súng, có thể xoay được, cán vòng, ngàm hoạt động đơn, chiều dài hoạt động trong khoảng từ $\geq 110\text{mm}$ đến $\leq 115\text{mm}$	2	Cái
421	Sọ não 2 bộ sung	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, cong sang phải, chiều dài sử dụng trong khoảng từ $\geq 170\text{mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	1	Cái
422	Sọ não 2 bộ sung	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, thẳng, chiều dài sử dụng trong khoảng từ $\geq 170\text{mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	2	Cái
423	Sọ não 2 bộ sung	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích, cong sang trái, chiều dài sử dụng trong khoảng từ $\geq 170\text{mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	1	Cái
424	Sọ não 2 bộ sung	Pince gấp quay xuống 3mm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến $\leq 185\text{ mm}$, ngàm rộng 3mm, quay xuống, có khóa	1	Cái
425	Sọ não 2 bộ sung	Pince gấp quay lên 3mm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến $\leq 185\text{ mm}$, ngàm rộng 3mm, quay lên, có khóa	1	Cái
426	Sọ não 2 bộ sung	Pince gấp thẳng 3mm	Dụng cụ găm đĩa đệm, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 185\text{ mm}$, ngàm rộng 3mm, thẳng, có khóa	1	Cái
427	Sọ não 2 bộ sung	Pince gấp quay xuống 3mm	Dụng cụ găm đĩa đệm cột sống, đầu cắt xuống 150 độ, lưỡi sắc không răng cưa, mũi 3mm, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	1	Cái
428	Sọ não 2 bộ sung	Pince gấp quay lên 3mm	Dụng cụ găm đĩa đệm cột sống, đầu cắt lên 150 độ, lưỡi sắc không răng cưa, mũi 3mm, dài trong khoảng từ $\geq 170\text{ mm}$ đến $\leq 180\text{mm}$	1	Cái
429	Sọ não 2 bộ sung	Kerrison	Dụng cụ găm mũi xoang Kerrison, ngàm thẳng, có thể xoay được, rộng 4mm, dài trong khoảng từ $\geq 140\text{ mm}$ đến $\leq 150\text{mm}$	1	Cái
430	Sọ não 2 bộ sung	Dao phẫu tích mạch máu	Dao phẫu tích mạch máu Koos, loại nhỏ, cán tròn, hình lưỡi lê, mũi cong xuống, nhọn, dài 185mm	2	Cái
431	Sọ não 2 bộ sung	Gấp u	Kẹp khối u Landolt, đầu tù, dài 210mm, đường kính đầu 9mm	2	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
432	Sọ não 2 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu gấp góc dạng cò súng, chiều dài làm việc 180mm	2	Cái
433	Sọ não 2 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu cong trái dạng cò súng, chiều dài làm việc 180mm	1	Cái
434	Sọ não 2 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu cong phải dạng cò súng, chiều dài làm việc 180mm	1	Cái
435	Sọ não 2 bộ sung	Dao phẫu thuật	Dao phẫu thuật liền cán dài 185mm	2	Cái
436	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ vi phẫu thần kinh chiều dài làm việc 130mm, dài 280mm, đầu dài cong trái 90 độ, đường kính đầu 4mm	1	Cái
437	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ vi phẫu thần kinh chiều dài làm việc 130mm, dài 280mm, đầu ngắn cong trái 90 độ, đường kính đầu 4mm	1	Cái
438	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ vi phẫu thần kinh chiều dài làm việc 130mm, dài 280mm, đầu dài cong phải 90 độ, đường kính đầu 4mm	1	Cái
439	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ vi phẫu thần kinh chiều dài làm việc 130mm, dài 280mm, đầu ngắn cong phải 90 độ, đường kính đầu 4mm	1	Cái
440	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ vi phẫu thần kinh chiều dài làm việc 130mm, dài 280mm, cong lên, cắt trái, đầu tù	1	Cái
441	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ vi phẫu thần kinh chiều dài làm việc 130mm, dài 280mm, cong lên, cắt phải, đầu tù	1	Cái
442	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ vi phẫu thần kinh chiều dài làm việc 130mm, dài 280mm, đầu tít dài 1.7mm	1	Cái
443	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ vi phẫu thần kinh chiều dài làm việc 130mm, dài 280mm, đầu tù kích thước 2mm	1	Cái
444	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Dụng cụ nạo tuyến yên Nicola lưới nạo tròn, sắc vừa, đường kính 6.5mm, cổ kiểu dài, nghiêng bên 45 độ, dài 140/265mm	1	Cái
445	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ vi phẫu thần kinh	Bóc tách tuyến yên Landolt-Reunen đầu cong nhẹ, mũi rộng 2mm, dài 140/265mm	1	Cái
446	Sọ não 2 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu FAHLBUSCH mũi mảnh cong lên, dạng cò súng, dài 165mm	1	Cái
447	Sọ não 2 bộ sung	Kẹp vi phẫu	Kẹp vi phẫu NICOLA dạng mũi tròn, dài 165mm, đường kính đầu 2.5mm	2	Cái
448	Sọ não 2 bộ sung	Kẹp vi phẫu	Kẹp vi phẫu YASARGIL-NICOLA mũi mảnh thẳng, có khóa, dài 165mm	2	Cái
449	Sọ não 2 bộ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu Nicola, thẳng, hình súng, cán vòng, mũi nhọn/nhọn, dài 165mm	2	Cái
450	Sọ não 2 bộ sung	Nhíp phẫu tích	Nhíp phẫu tích Adson, dài khoảng từ ≥ 100 mm đến ≤ 120 mm, thẳng, đầu siêu nhỏ, ngàm có răng 1x2	1	Cái
451	Sọ não 2 bộ sung	Kim mang kim	Kim mang kim Hegar-Mayo, thẳng, cán vàng, bước răng 0.5mm, dài 150 mm	2	Cái
452	Sọ não 2 bộ sung	Kim mang kim	Kim mang kim De Bakey, mũi thẳng, cán vàng, bước răng 0.4mm, dài 180 mm	1	Cái
453	Sọ não 2 bộ sung	Kẹp sãng	Kẹp sãng Backhaus, dài trong khoảng từ ≥ 110 mm đến ≤ 130 mm	7	Cái
454	Sọ não 2 bộ sung	Kéo Mayo cong 2 đầu tù thường	Kéo Mayo cong, hàm khỏe, dài 215mm	2	Cái
455	Sọ não 2 bộ sung	Kéo	Kéo Metzenbaum, ngàm phù Tungsten carbide, cán vàng, cong, mũi tù/tù, dài khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 200 mm, thân mạ đen	1	Cái
456	Sọ não 2 bộ sung	Kéo	Kéo Toennis-Adson mạ vàng chân 1 nhánh, cong, chiều dài khoảng từ ≥ 160 mm đến ≤ 175 mm	1	Cái
457	Sọ não 2 bộ sung	Banh tự giữ	Banh tự giữ Weitlaner, dài khoảng 130 mm, 3x4 răng, tù, độ dài răng khoảng 18mm	1	Cái
458	Sọ não 2 bộ sung	Kim găm xương	Kim găm xương, ngàm cong, dài trong khoảng từ ≥ 180 mm đến ≤ 200 mm	1	Cái
459	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ găm xương	Dụng cụ găm xương Kerrison, đầu ngàm mảnh, Cong xuống dưới 130 độ, dài khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm, ngàm rộng khoảng 2mm	1	Cái
460	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mô hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130 °, dài trong khoảng từ ≥ 170 đến ≤ 180 mm, ngàm rộng: 3 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	1	Cái
461	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mô hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130 °, dài khoảng từ ≥ 160 đến ≤ 180 mm, ngàm rộng: 4 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	1	Cái
462	Sọ não 2 bộ sung	Dụng cụ găm cột sống	Dụng cụ găm cột sống KERRISON, có bộ phận đẩy mô có thể tháo rời 1 phần, có tích hợp lấy mô hàm vệ sinh, thẳng, đầu cắt cong lên 130 °, dài khoảng từ ≥ 160 đến ≤ 180 mm, ngàm rộng: 5 mm, đầu ngàm mảnh, màu đen.	1	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
463	Sọ nã 2 bỏ sung	Nhíp	Nhíp gấp khối u Yasargil, hình lưỡi lê, đầu thẳng, mũi tròn, ngàm rộng 3mm, chiều dài tổng thể trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 220 mm	1	Cái
464	Sọ nã 2 bỏ sung	Nhíp	Nhíp gấp khối u Heifetz, hình lưỡi lê, cán có lỗ, đầu tròn, ngàm có răng, rộng khoảng 5 mm, chiều dài tổng thể khoảng từ ≥ 200 đến ≤ 220 mm	1	Cái
465	Sọ nã 2 bỏ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, dài ≥ 130 mm đến ≤ 170 mm, đầu thẳng, nhọn, cán tròn	1	Cái
466	Sọ nã 2 bỏ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, siêu nhẹ, thân hình lưỡi lê, ngàm thẳng, dài khoảng từ ≥ 180 đến ≤ 200 mm	1	Cái
467	Sọ nã 2 bỏ sung	Kéo vi phẫu	Kéo vi phẫu, lưỡi thẳng, cán hình lưỡi lê, 1 ngàm có khóa, mũi nhọn/nhọn, dài trong khoảng từ ≥ 200 mm đến ≤ 230 mm	1	Cái
468	Sọ nã 2 bỏ sung	Dụng cụ phẫu tích	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu, cong nhẹ, cán tròn, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng khoảng 1mm	1	Cái
469	Sọ nã 2 bỏ sung	Dụng cụ phẫu tích	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu, cong nhẹ, cán tròn, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng 1.7mm	1	Cái
470	Sọ nã 2 bỏ sung	Dụng cụ phẫu tích	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu, cong nhẹ, cán tròn, mũi tù, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 230 mm, ngàm rộng 2.2mm	1	Cái
471	Sọ nã 2 bỏ sung	Dao cắt u	Dao cắt khối u Samii, loại nhỏ, mũi gấp góc, cán tròn, dài 230mm, lưỡi tròn, rộng 3mm	1	Cái
472	Sọ nã 2 bỏ sung	Dao cắt u	Dao cắt khối u Samii, loại nhỏ, mũi gấp góc, cán tròn, dài 230mm, lưỡi tròn, rộng 4.5mm	1	Cái
473	Sọ nã 2 bỏ sung	Dụng cụ phẫu tích	Dụng cụ bóc xương vi phẫu, gấp góc, cán tròn, mũi hình đĩa, sắc, dài 230mm, rộng 2,20mm	1	Cái
474	Sọ nã 2 bỏ sung	Dụng cụ phẫu tích	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu Caspar, cong lên trên, đầu tù, cán hình lưỡi lê, cán tròn, dài khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 210 mm, đầu rộng 1mm	1	Cái
475	Sọ nã 2 bỏ sung	Dụng cụ phẫu tích	Dụng cụ phẫu tích vi phẫu Caspar, cong xuống dưới, đầu tù, cán hình lưỡi lê, cán tròn, dài khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 210 mm, đầu rộng 1mm	1	Cái
476	Sọ nã 2 bỏ sung	Que thăm dò	Que thăm dò Jacobson, đầu hình tròn, dài từ khoảng từ ≥ 160 mm đến ≤ 185 mm	1	Cái
477	Sọ nã 2 bỏ sung	Banh tự giữ	Banh tự giữ Molliso, dài khoảng từ ≥ 140 đến ≤ 150 mm, 4x4 răng, nhọn	1	Cái
478	Sọ nã 2 bỏ sung	Luồn sọ	Cây dẫn luồn sọ, linh động, dài trong khoảng từ ≥ 340 mm đến ≤ 350 mm, sử dụng để dẫn dây cưa sọ Gigli và Olivecrona	2	Cái
479	Sọ nã 2 bỏ sung	Gigli	Tay kéo dây cưa sọ Gigli	4	Cái
480	Sọ nã 2 bỏ sung	Đục 6mm	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 6mm	1	Cái
481	Sọ nã 2 bỏ sung	Đục 10mm	Đục xương Lexer, dài trong khoảng từ ≥ 220 mm đến ≤ 240 mm, lưỡi vát 2 bên, lưỡi rộng 10 mm	1	Cái
482	Sọ nã 2 bỏ sung	Curette	Dụng cụ nạo trong phẫu thuật Halle size 00 kích thước mũi 4.4mm , đầu uốn được, dài 215mm	1	Cái
483	Sọ nã 2 bỏ sung	Curette	Dụng cụ nạo trong phẫu thuật Lempert , kích thước mũi 2.4mm , dài 215mm	1	Cái
484	Sọ nã 2 bỏ sung	Nạo màng xương	Nạo màng xương đầu 6mm, dài 190mm	1	Cái
485	Sọ nã 2 bỏ sung	Nạo màng xương	Nạo màng xương đầu 12.5mm, dài 145mm	1	Cái
486	Sọ nã 2 bỏ sung	Dụng cụ bóc mài xương	Dụng cụ bóc mài xương Williger, cong nhẹ, đầu nhọn, dài 160mm, đầu rộng 6mm	1	Cái
487	Sọ nã 2 bỏ sung	Penfield	Dụng cụ phẫu tích thần kinh Penfield, số 1, cong nhẹ, hai đầu, nhọn/tù, dài trong khoảng từ ≥ 170 mm đến ≤ 180 mm	1	Cái
488	Sọ nã 2 bỏ sung	Penfield	Dụng cụ phẫu tích thần kinh Penfield, số 2, cong nhẹ, hai đầu, nhọn/tù, dài trong khoảng từ ≥ 190 mm đến ≤ 200 mm	1	Cái
489	Sọ nã 2 bỏ sung	Khay củ đậu	Khay quả thận dài trong khoảng từ ≥ 240 mm đến ≤ 250 mm	4	Cái
490	Sọ nã 2 bỏ sung	Ống hút thẳng SCHMID có thể uốn cong 6mm	Ống hút thẳng SCHMID có thể uốn cong, khóa Luer, dài 150mm, đường kính 6mm	4	Cái
491	Sọ nã 2 bỏ sung	Ống hút thẳng SCHMID có thể uốn cong 5 mm	Ống hút thẳng SCHMID có thể uốn cong, khóa Luer, dài 150mm, đường kính 5mm	4	Cái
492	Sọ nã 2 bỏ sung	Ống hút thẳng SCHMID có thể uốn cong 4 mm	Ống hút thẳng SCHMID có thể uốn cong, khóa Luer, dài 150mm, đường kính 4mm	4	Cái
493	Sọ nã 2 bỏ sung	Ống hút thẳng SCHMID có thể uốn cong 3 mm	Ống hút thẳng SCHMID có thể uốn cong, khóa Luer, dài 150mm, đường kính 3mm	4	Cái
494	Sọ nã 2 bỏ sung	Ống hút HAJEK đầu 3.5mm	Ống hút Hajek, thẳng, trục Luer, dài 165mm, đường kính 3,50mm	4	Cái

STT	Tên bộ dụng cụ	Tên dụng cụ	Thông số kỹ thuật chào giá lần 2	Số lượng	Đơn vị tính
495	Sọ não 2 bỏ sung	Pince cá sấu	Kẹp cắt sụn/vách ngăn Gruenwald-Henke, dài 180mm, chiều dài làm việc 110mm	1	Cái
496	Sọ não 2 bỏ sung	Đục tuyến yên	Đục Papavero , dáng lưới lê, thẳng, dài 220mm	2	Cái
497	Sọ não 2 bỏ sung	Ống hút đốt	Ống hút Landolt, cong, dài trong khoảng từ ≥ 260 mm đến ≤ 270 mm, đường kính 5mm	2	Cái
498	Sọ não 2 bỏ sung	pince gấp niêm mạc cong lên	Kìm găm xương Weil-Blakesley, gấp góc lên, ngàm khuyết, hình oval, chiều dài làm việc trong khoảng từ ≥ 110 mm đến ≤ 115 mm, ngàm rộng khoảng 3,5 mm	2	Cái
499	Sọ não 2 bỏ sung	Móc màng cứng	Dụng cụ móc màng não Cairns, gấp góc, nhọn, dài 130mm	2	Cái
500	Sọ não 2 bỏ sung	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích Hastled-Mosquito, cong, mảnh, dài trong khoảng từ ≥ 120 mm đến ≤ 130 mm	5	Cái
501	Sọ não 2 bỏ sung	Kẹp động mạch Kelly	Kẹp động mạch Kelly, mảnh, cong, dài 140mm	5	Cái